

Số: 842/CBTT-DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 08 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dệt May Huế thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên soát xét năm 2023 như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Mã chứng khoán: HDM
- Địa chỉ: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương, Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0234.3.864.337 Fax:
- Email: contact@huegatex.com.vn Website: huegatex.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên soát xét năm 2023:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC bán niên năm 2023 được soát xét):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC bán niên năm 2023 được soát xét):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2023 tại đường dẫn: <https://huegatex.com.vn/vi/co-dong>.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn thư.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên;
- Văn bản giải trình số 835/CV-DMH ngày 14/08/2023.
- Văn bản giải trình số 843/CV-DMH ngày 14/08/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phong



Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 29 tháng 6 năm 2023. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Trị Ông Nguyễn Văn Phong Bà Nguyễn Hồng Liên Ông Lê Hồng Quân Ông Nguyễn Ngọc Bình Ông Nguyễn Bá Quang Ông Hồ Ngọc Lan	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 26/4/2023) Thành viên (từ ngày 26/4/2023) Thành viên (đến ngày 26/4/2023) Thành viên (đến ngày 26/4/2023)
--------------------------	---	--

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Phong Ông Hồ Ngọc Lan Ông Lê Hồng Quân Ông Nguyễn Tiến Hậu Bà Nguyễn Hồng Liên Ông Đào Văn Tư Bà Trần Thị Thuần Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/6/2023) Giám đốc điều hành (đến ngày 31/5/2023) Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành Giám đốc điều hành
---------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh Bà Phạm Thị Vân Hà Ông Hồ Nam Phong	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương Thị xã Hương Thủy, Tỉnh Thừa Thiên Huế Việt Nam
-----------------------	--

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc

Thừa Thiên Huế, ngày 14 tháng 8 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của ý kiến soát xét ngoại trừ

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên với số tiền 101,1 tỷ VND và 14,2 tỷ VND lần lượt vào giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty không cung cấp được các chứng từ chứng minh Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 như được quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“CMKTVN 18”). Chúng tôi không thể áp dụng các thủ tục soát xét thay thế nào đối với các khoản dự phòng tiền lương được ghi nhận trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Nếu Công ty thực hiện ghi nhận các khoản dự phòng khi đủ điều kiện theo quy định của CMKTVN 18, thông tin so sánh liên quan đến giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm lần lượt 101,1 tỷ VND và 14,2 tỷ VND; thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng 23,1 tỷ VND.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ” chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00218-23-1



Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		605.824.336.943	775.211.399.015
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	118.667.431.044	100.028.543.344
Tiền	111		8.490.101.383	10.116.208.368
Các khoản tương đương tiền	112		110.177.329.661	89.912.334.976
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		68.000.000.000	42.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	68.000.000.000	42.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		144.905.092.242	198.716.127.815
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	142.198.415.175	192.764.488.034
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.460.880.185	6.068.034.393
Phải thu ngắn hạn khác	136		5.445.961.649	6.083.770.155
Dự phòng phải thu khó đòi	137	12	(6.200.164.767)	(6.200.164.767)
Hàng tồn kho	140	13	259.291.254.893	406.806.760.755
Hàng tồn kho	141		273.818.700.914	445.761.744.112
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.527.446.021)	(38.954.983.357)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.960.558.764	27.659.967.101
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.975.321.434	6.060.824.643
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.500.952.638	21.599.142.458
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		484.284.692	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		383.079.871.743	383.152.761.521
Các khoản phải thu dài hạn	210		9.818.820.000	9.818.820.000
Trả trước cho người bán dài hạn	212	14	9.818.820.000	9.818.820.000
Tài sản cố định	220		321.111.751.394	302.149.234.085
Tài sản cố định hữu hình	221	15	320.960.435.693	301.982.704.335
<i>Nguyên giá</i>	222		1.065.795.304.318	1.015.052.990.134
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(744.834.868.625)	(713.070.285.799)
Tài sản cố định vô hình	227	16	151.315.701	166.529.750
<i>Nguyên giá</i>	228		2.652.307.810	2.616.307.810
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.500.992.109)	(2.449.778.060)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.888.410.233	37.575.168.913
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	15.888.410.233	37.575.168.913
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10(b)	9.875.843.357	5.842.183.357
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		10.744.494.682	6.710.834.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(868.651.325)	(868.651.325)
Tài sản dài hạn khác	260		26.385.046.759	27.767.355.166
Chi phí trả trước dài hạn	261	18	22.563.574.321	20.812.109.960
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	19	3.821.472.438	6.955.245.206
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		988.904.208.686	1.158.364.160.536

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		603.180.987.906	750.451.874.833
Nợ ngắn hạn	310		476.445.650.281	603.899.574.369
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	90.265.660.339	87.405.216.810
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.155.182.394	5.614.551.372
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	11.941.234.346	12.082.848.700
Phải trả người lao động	314		126.499.110.832	176.014.736.823
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.507.944.392	3.504.719.232
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	3.224.933.595	5.816.602.908
Vay ngắn hạn	320	23(a)	203.691.357.888	288.244.110.145
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	33.160.226.495	25.216.788.379
Nợ dài hạn	330		126.735.337.625	146.552.300.464
Vay dài hạn	338	23(b)	126.735.337.625	146.552.300.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		385.723.220.780	407.912.285.703
Vốn chủ sở hữu	410	25	385.723.220.780	407.912.285.703
Vốn cổ phần	411	26	200.962.590.000	152.247.010.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	152.247.010.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	107.478.956.722	102.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		77.281.674.058	153.186.318.981
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		23.803.105.865	15.408.779.058
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		53.478.568.193	137.777.539.923
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		988.904.208.686	1.158.364.160.536

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Thân Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	922.906.838.519	1.130.379.640.463
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	796.782.706.211	968.624.018.568
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		126.124.132.308	161.755.621.895
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	18.216.608.497	18.332.770.388
Chi phí tài chính	22	33	17.574.296.433	10.811.196.929
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.023.305.559	3.836.997.369
Chi phí bán hàng	25	34	29.103.330.570	36.296.779.682
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	32.196.762.937	44.228.581.760
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		65.466.350.865	88.751.833.912
Thu nhập khác	31	36	3.752.567.402	2.603.898.426
Chi phí khác	32		2.583.075.006	2.339.322.368
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.169.492.396	264.576.058
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		66.635.843.261	89.016.409.970
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	10.023.502.300	17.304.775.226
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	3.133.772.768	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		53.478.568.193	71.711.634.744
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	2.376	3.186

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Thần Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
				Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		66.635.843.261	89.016.409.970
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		31.815.796.875	28.361.138.917
Các khoản dự phòng	03		(24.427.537.336)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.894.634.287	1.530.174.909
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.207.445.302)	(5.946.551.152)
Chi phí lãi vay	06		11.023.305.559	3.836.997.369
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		79.734.597.344	116.798.170.013
Biến động các khoản phải thu	09		66.360.033.303	(46.066.434.029)
Biến động hàng tồn kho	10		171.943.043.198	28.686.476.712
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(20.953.924.204)	57.452.193.081
Biến động chi phí trả trước	12		334.038.848	907.446.508
			297.417.788.489	157.777.852.285
Tiền lãi vay đã trả	14		(11.064.181.708)	(5.256.774.510)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.894.383.301)	(25.926.874.339)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		12.220.000	11.920.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.837.611.000)	(2.577.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		268.633.832.480	124.028.953.436
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(58.170.300.872)	(27.631.300.359)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		-	333.944.782
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(31.000.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		5.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.033.660.000)	-
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		5.824.096.998	5.672.941.303
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(82.379.863.874)	(21.624.414.274)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023	30/6/2022
		VND	VND
			Chưa soát xét

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	430.247.314.696	422.260.686.764
Tiền trả nợ gốc vay	34	(537.082.641.940)	(497.868.060.614)
Tiền trả cổ tức	36	(60.912.973.408)	(15.759.685.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(167.748.300.652)	(91.367.059.275)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	18.505.667.954	11.037.479.887
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	100.028.543.344	151.092.638.505
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	133.219.746	49.482.631
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	118.667.431.044	162.179.601.023

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Kim Phụng
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phong
 Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 4.476 nhân viên (1/1/2023: 4.690 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 chưa được soát xét.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	735.732.449.515	743.224.833.574	90.954.055.177	217.524.959.512	93.587.630.075	167.478.724.360	2.632.703.752	2.151.123.017	922.906.838.519	1.130.379.640.463
Kết quả kinh doanh của bộ phận	107.188.590.733	101.949.297.926	2.901.309.928	40.081.927.177	16.525.931.560	19.397.334.880	(491.699.913)	327.061.912	126.124.132.308	161.755.621.895
Thu nhập không phân bổ									18.216.608.497	18.332.770.388
Chi phí không phân bổ									(78.874.389.940)	(91.336.558.371)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									65.466.350.865	88.751.833.912
Thu nhập khác									3.752.567.402	2.603.898.426
Chi phí khác									(2.583.075.006)	(2.339.322.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(13.157.275.068)	(17.304.775.226)
Lợi nhuận thuần sau thuế									53.478.568.193	71.711.634.744

Công ty Cổ phần Dệt May Huệ
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Các vùng khác		Tổng cộng	
	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản của bộ phận Giá trị còn lại tài sản không phân bổ	99.463.567.113	130.635.519.680	23.165.338.812	36.913.910.315	18.325.201.031	25.215.058.039	1.244.308.219	-	142.198.415.175	192.764.488.034
Tổng tài sản									988.904.208.686	1.158.364.160.536
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	542.845.617	2.850.257.678	1.356.829.586	1.779.469.586	1.255.507.191	984.824.108	-	-	3.155.182.394	5.614.551.372
Tổng nợ phải trả									600.025.805.512	744.837.323.461
									603.180.987.906	750.451.874.833
Chi tiêu vốn Khấu hao tài sản có định hữu hình Khấu hao tài sản có định vô hình									Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND
									58.170.300.872	27.631.300.359
									31.764.582.826	28.147.474.525
									51.214.049	213.664.392
									Chưa soát xét	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Tiền mặt	126.913.284	56.648.329
Tiền gửi ngân hàng	8.363.188.099	10.059.560.039
Các khoản tương đương tiền	110.177.329.661	89.912.334.976
	<hr/>	<hr/>
	118.667.431.044	100.028.543.344
	<hr/>	<hr/>

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 4,7% đến 9,2% (1/1/2023: từ 4,9% đến 6,8%).

Giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b)	Đơn vị	Địa chỉ	30/6/2023			1/1/2023						
			% vốn góp	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	
	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	5,64	5,00	7.495.524.000	-	(*)	3,64	4,43	3.461.864.000	-	(*)
	Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(650.000.000)	(*)	7,12	7,12	650.000.000	(650.000.000)	(*)
	Công ty Cổ phần Dệt May Thiên An Phát	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	2,00	6,45	1.500.000.000	-	(*)	2,00	6,45	1.500.000.000	-	(*)
	Công ty Cổ phần Dệt kim Vinatex	Hung Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(218.651.325)	(*)	2,65	2,65	1.008.000.000	(218.651.325)	(*)
	Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thừa Thiên Huế, Việt Nam	0,16	0,44	90.970.682	-	(*)	0,16	0,44	90.970.682	-	(*)
					<u>10.744.494.682</u>	<u>(868.651.325)</u>				<u>6.710.834.682</u>	<u>(868.651.325)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

11/11/2023

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty Aurora Investments Global	79.247.330.440	104.691.583.592
Công ty Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	12.229.770.967	-
Công ty TNHH Fashion Garments 2	7.985.731.626	5.154.645.652
Công ty Ecofil Dis Ticaret A.S.	-	9.896.699.232
Các khách hàng khác	42.735.582.142	73.021.559.558
	<hr/>	<hr/>
	142.198.415.175	192.764.488.034
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	22.007.300	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dệt Kim Đông Xuân	21.390.950	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	11.338.596	7.859.651
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	9.189.599	17.521.000
	<hr/>	<hr/>
	63.926.445	25.380.651
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi suất và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ quá hạn

	30/6/2023		1/1/2023		Giá trị có thể thu hồi VND
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty TNHH Sản xuất					
Thương mại Dịch vụ					
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	2.824.257.828	-
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.356.609.086	(2.356.609.086)	2.356.609.086	-
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	655.409.770	(655.409.770)	655.409.770	-
Công ty Taijuiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	363.888.083	(363.888.083)	363.888.083	-
		<u>6.200.164.767</u>	<u>(6.200.164.767)</u>	<u>6.200.164.767</u>	<u>-</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi					
					<u>(6.200.164.767)</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	28.489.485.993	(2.129.667.779)	5.847.244.708	-
Nguyên vật liệu	123.228.375.524	(6.818.862.402)	198.232.157.133	(17.748.966.601)
Công cụ và dụng cụ	64.363.139	-	59.151.024	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	58.673.026.134	(665.817.739)	116.973.899.361	(1.297.407.545)
Thành phẩm	54.753.828.943	(4.501.908.657)	62.942.404.400	(19.908.609.211)
Hàng gửi đi bán	8.609.621.181	(411.189.444)	61.706.887.486	-
	273.818.700.914	(14.527.446.021)	445.761.744.112	(38.954.983.357)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 120.000 triệu VND (1/1/2023: 120.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

14. Trả trước cho người bán dài hạn

Khoản trả trước cho người bán dài hạn thể hiện số tiền thanh toán đợt 1 theo hợp đồng thuê đất số 04KCN/22/HĐNT ngày 15 tháng 8 năm 2022 với Ban Quản lý Khu Công nghiệp Phú Bài cho dự án đầu tư sản xuất thuộc các ngành nghề nằm trong quy hoạch của Khu Công nghiệp.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	291.241.861.194	677.978.514.779	25.676.179.678	10.688.205.373	9.468.229.110	1.015.052.990.134
Tăng trong kỳ	-	484.523.818	-	207.625.455	-	692.149.273
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.079.365.377	41.970.799.534	-	-	-	50.050.164.911
Số dư cuối kỳ	299.321.226.571	720.433.838.131	25.676.179.678	10.895.830.828	9.468.229.110	1.065.795.304.318
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	167.950.254.887	517.530.900.430	17.570.197.214	9.037.206.790	981.726.478	713.070.285.799
Khấu hao trong kỳ	8.549.792.995	21.148.548.159	849.345.618	303.150.304	913.745.750	31.764.582.826
Số dư cuối kỳ	176.500.047.882	538.679.448.589	18.419.542.832	9.340.357.094	1.895.472.228	744.834.868.625
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	123.291.606.307	160.447.614.349	8.105.982.464	1.650.998.583	8.486.502.632	301.982.704.335
Số dư cuối kỳ	122.821.178.689	181.754.389.542	7.256.636.846	1.555.473.734	7.572.756.882	320.960.435.693

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 504.754 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 486.125 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định có giá trị còn lại là 137.678 triệu VND (1/1/2023: 154.780 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 23).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	2.616.307.810
Tăng trong kỳ	36.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.652.307.810
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.449.778.060
Khấu hao trong kỳ	51.214.049
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.500.992.109
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	166.529.750
Số dư cuối kỳ	151.315.701
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 2.381 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 1.382 triệu VND).

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	37.575.168.913	3.355.254.458
Tăng trong kỳ	28.363.406.231	3.995.506.444
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.050.164.911)	(7.252.537.884)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	15.888.410.233	98.223.018
	<hr/>	<hr/>

Tại thời điểm báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm máy móc, thiết bị đang trong quá trình lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	20.812.109.960
Tăng trong kỳ	9.522.921.134
Phân bổ trong kỳ	(7.771.456.773)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	<u>22.563.574.321</u>

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	1.922.869.584	3.809.274.829
Doanh thu bán hàng	20%	1.898.602.854	3.145.970.377
		<hr/>	<hr/>
		3.821.472.438	6.955.245.206
		<hr/>	<hr/>

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Premier Exim (HK) Limited		16.456.637.200	-
Công ty Cam Négoce, Division Coton		8.665.814.500	-
Công ty Yau Kuen Industrial Co., Ltd.		8.371.927.504	9.952.591.706
Các nhà cung cấp khác		56.771.281.135	77.452.625.104
		<hr/>	<hr/>
		90.265.660.339	87.405.216.810
		<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.024.069.212	23.290.114.947	(22.380.803.450)	1.933.380.709
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.065.301.926	(2.065.301.926)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.783.419.997	10.023.502.300	(10.894.383.301)	9.912.538.996
Thuế thu nhập cá nhân	274.475.652	3.578.381.368	(3.758.701.099)	94.155.921
Các loại thuế và phí khác	883.839	431.445.497	(431.170.616)	1.158.720
	12.082.848.700	39.388.746.038	(39.530.360.392)	11.941.234.346

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Kinh phí công đoàn	1.097.704.797	1.646.895.021
Lãi vay ngân hàng	619.174.051	660.050.200
Cổ tức phải trả	99.929.857	110.636.065
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	1.587.470.886
Các khoản phải trả khác	1.408.124.890	1.811.550.736
	3.224.933.595	5.816.602.908

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay dài hạn	167.052.180.450	186.073.306.581
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 23(a))	(40.316.842.825)	(39.521.006.117)
	<u>126.735.337.625</u>	<u>146.552.300.464</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	8,8% - 9,9%	2018 - 2024	12.600.000.000	16.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	8,2% - 9,7%	2021 - 2026	17.658.442.062	19.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	8%	2022 - 2025	58.000.000.000	69.600.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng	2016 - 2039	78.793.738.388	79.714.226.711
				<u>167.052.180.450</u>	<u>186.073.306.581</u>

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.317.631 USD tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (1/1/2023: 3.357.095 USD), có hạn mức là 3.642.948 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho (Thuyết minh 13) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 15).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	25.216.788.379	13.135.447.861
Trích lập trong kỳ	14.768.829.116	14.445.690.518
Tặng khác	12.220.000	11.920.000
Sử dụng trong kỳ	(6.837.611.000)	(2.577.170.000)
Số dư cuối kỳ	33.160.226.495	25.015.888.379

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	105.000.000.000	82.478.956.722	-	112.851.479.576	300.330.436.298
Lợi nhuận thuần trong kỳ - Chưa soát xét	-	-	-	71.711.634.744	71.711.634.744
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24) - Chưa soát xét	-	-	-	(14.445.690.518)	(14.445.690.518)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28) - Chưa soát xét	-	20.000.000.000	-	(20.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 27) (*) - Chưa soát xét	-	-	47.247.010.000	(47.247.010.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27) - Chưa soát xét	-	-	-	(15.752.990.000)	(15.752.990.000)
Biến động khác - Chưa soát xét	-	-	-	2.990.000	2.990.000
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	105.000.000.000	102.478.956.722	47.247.010.000	87.120.413.802	341.846.380.524
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	152.247.010.000	102.478.956.722	-	153.186.318.981	407.912.285.703
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	53.478.568.193	53.478.568.193
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 24)	-	-	-	(14.768.829.116)	(14.768.829.116)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 28)	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-
Cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 27)	48.715.580.000	-	-	(48.715.580.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 27)	-	-	-	(60.902.267.200)	(60.902.267.200)
Biến động khác	-	-	-	3.463.200	3.463.200
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	200.962.590.000	107.478.956.722	-	77.281.674.058	385.723.220.780

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Theo Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên số 343/BB-ĐHCD ngày 22 tháng 4 năm 2022, Công ty có kế hoạch chia cổ tức năm 2021 cho các cổ đông bằng cổ phiếu trị giá 47.247.010.000 VND (tương đương 47.247 cổ phiếu theo mệnh giá). Kế hoạch tăng vốn này được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận vào ngày 20 tháng 7 năm 2022; do đó tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, giá trị của cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 được ghi nhận là Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Trong kỳ sáu tháng cuối năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và ghi nhận tăng vốn cổ phần tương ứng.

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000	15.224.701	152.247.010.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023		30/6/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	15.224.701	152.247.010.000	10.500.000	105.000.000.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.871.558	48.715.580.000	-	-
Số dư cuối kỳ	20.096.259	200.962.590.000	10.500.000	105.000.000.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	9.265.244	60,86
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	1.295.936	8,51
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	4.663.521	30,63
	20.096.259	100,00	15.224.701	100,00
			Số vốn góp VND	Số vốn góp VND
			122.301.220.000	92.652.440.000
			17.106.350.000	12.959.360.000
			61.555.020.000	46.635.210.000
			200.962.590.000	152.247.010.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 109.618 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, trong đó 48.716 triệu VND bằng cổ phiếu và 60.902 triệu VND bằng tiền (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 63.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, trong đó 47.247 triệu VND bằng cổ phiếu và 15.753 triệu VND bằng tiền).

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 26 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển 5.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 20.000 triệu VND).

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	144.825	3.439.590.663	226.913	5.310.887.063
EUR	21	545.938	26	647.129
		<u>3.440.136.601</u>		<u>5.311.534.192</u>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	660.893.930	490.305.198
	<u>660.893.930</u>	<u>490.305.198</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	321.850.000.000	245.600.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	63.268.180.000	103.464.974.410
	<hr/> 385.118.180.000	<hr/> 349.064.974.410

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
		Chưa soát xét
Doanh thu bán thành phẩm	910.775.319.896	1.116.898.625.371
Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	12.105.216.879	13.465.997.249
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	26.301.744	15.017.843
	<hr/> 922.906.838.519	<hr/> 1.130.379.640.463

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
		Chưa soát xét
Thành phẩm	810.139.673.633	956.066.089.032
Hàng hoá đã bán và phế liệu đã bán	11.070.569.914	12.557.929.536
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.427.537.336)	-
	<hr/> 796.782.706.211	<hr/> 968.624.018.568

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi tiền gửi	4.265.281.869	1.991.991.353
Cổ tức	2.942.163.433	3.620.615.017
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.009.163.195	12.720.164.018
	<hr/>	<hr/>
	18.216.608.497	18.332.770.388
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí lãi vay	11.023.305.559	3.836.997.369
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.656.356.587	5.444.024.651
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.894.634.287	1.530.174.909
	<hr/>	<hr/>
	17.574.296.433	10.811.196.929
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Phí giám sát đơn hàng	8.934.877.943	5.762.491.713
Phí xử lý hàng ở cảng	363.100.073	640.532.736
Chi phí vận chuyển	14.414.160.737	23.558.918.702
Chi phí hoa hồng môi giới	4.028.697.883	5.025.501.604
Chi phí khấu hao	79.043.208	83.524.098
Chi phí bán hàng khác	1.283.450.726	1.225.810.829
	<hr/>	<hr/>
	29.103.330.570	36.296.779.682
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	15.625.922.438	29.834.576.491
Chi phí khấu hao	1.315.226.798	696.606.857
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	343.471.455	348.785.129
Thuế, phí và lệ phí	3.419.243.518	3.175.384.927
Chi phí điện, nước	1.867.246.070	1.696.672.062
Chi phí ăn ca	754.695.783	771.853.496
Chi phí thuê đất	232.201.113	565.826.508
Chi phí bảo hiểm	301.340.000	60.576.000
Công cụ, dụng cụ	1.950.120.225	1.786.028.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.387.295.537	5.292.272.183
	<hr/>	<hr/>
	32.196.762.937	44.228.581.760
	<hr/>	<hr/>

36. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	333.944.782
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	1.193.613.755	1.300.122.919
Xóa sổ các khoản phải trả	1.587.470.886	-
Các khoản khác	971.482.761	969.830.725
	<hr/>	<hr/>
	3.752.567.402	2.603.898.426
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	378.013.294.941	432.142.721.000
Chi phí nhân công	249.170.026.814	443.532.737.347
Chi phí khấu hao	31.815.796.875	28.361.138.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.724.439.672	86.718.674.589
Chi phí khác	22.129.493.849	18.253.040.118

38. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	9.912.538.997	17.304.775.226
Dự phòng thiếu trong những năm trước	110.963.303	-
	10.023.502.300	17.304.775.226
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	3.133.772.768	-
	13.157.275.068	17.304.775.226

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	66.635.843.261	89.016.409.970
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	13.327.168.652	17.803.281.994
Chi phí không được khấu trừ thuế	307.575.800	225.616.235
Thu nhập không bị tính thuế	(588.432.687)	(724.123.003)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	110.963.303	-
	13.157.275.068	17.304.775.226

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo dự kiến, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần trong kỳ	53.478.568.193	71.711.634.744
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(5.732.544.183)	(7.687.006.748)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.746.024.010	64.024.627.996

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2023.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
		Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	15.224.701	10.500.000
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2022 (Thuyết minh 27)	-	4.724.701
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong năm 2023 (Thuyết minh 27)	4.871.558	4.871.558
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	20.096.259	20.096.259

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	47.746.024.010	64.024.627.996
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.376	3.186

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
		Chưa soát xét
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Mua dịch vụ	306.021.591	90.000.000
Trả cổ tức bằng tiền	37.060.976.000	9.584.736.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	29.648.780.000	28.754.200.000
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam –		
Trung tâm Thời trang Vinatex		
Bán hàng hóa	125.836.460	-
Mua dịch vụ	37.760.552	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Chưa soát xét
Các công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	19.737.359	-
Mua dịch vụ	42.007.929	129.818.201
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Bán hàng hóa	-	156.544.493
Mua cổ phiếu	4.033.660.000	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Mua hàng hóa	2.490.736.364	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Mua hàng hóa	8.633.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Thuê nhà máy	-	7.200.000.000
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ		
Bán hàng hóa và dịch vụ	444.930.576	178.774.546
Mua hàng hóa và dịch vụ	18.160.092	19.023.544
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán hàng hóa	-	965.816.460
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa	59.094.040	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Bán hàng hóa và dịch vụ	32.664.317	-
Bán dịch vụ	13.218.000	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
Thù lao, lương và thưởng		
Ông Nguyễn Đức Trí – Chủ tịch	270.833.334	313.333.334
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	36.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	36.000.000	30.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên (từ ngày 26/4/2023)	23.333.333	-
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên (từ ngày 26/4/2023)	23.333.333	-
Ông Nguyễn Bá Quang – Thành viên (đến ngày 26/4/2023)	281.388.889	340.200.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên (đến ngày 26/4/2023)	20.000.000	30.000.000



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Chưa soát xét
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng		
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc	487.500.000	520.200.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	342.023.100	412.798.700
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	323.442.500	-
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 1/6/2023)	294.062.300	343.832.120
Bà Nguyễn Hồng Liên – Giám đốc điều hành	313.188.900	323.421.400
Ông Đào Văn Tư – Giám đốc điều hành	242.496.800	289.175.800
Bà Trần Thị Thuần – Giám đốc điều hành	242.496.800	-
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	279.468.154	-
Ông Lê Công An – Giám đốc điều hành (đến ngày 1/7/2022)	-	328.656.500
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao, lương và thưởng		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	99.205.800	106.200.000
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	23.000.000	30.000.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	18.000.000	18.000.000

Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Chưa soát xét
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	972.610.000	-
Trả cổ tức bằng tiền	1.215.812.000	838.818.000



41. Giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND Chưa soát xét
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	48.715.580.000	47.247.010.000
Xóa sổ lãi vay phải trả	1.587.470.886	-

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:




Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Phong
Tổng Giám đốc

